

DANH SÁCH DỰ THẢO SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HK 2 - NH 2023-2024

Ghi chú: Danh sách dự thảo là danh sách chưa chính thức. Danh sách chính thức được thông báo sau khi họp hội đồng HB KKHT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	STC ĐK	TBHT hệ 4	TBHT hệ 10	Điểm rèn luyện	Xếp loại học bổng	Ghi chú
Khoá 2020												
Công nghệ KT điện tử - viễn thông												
1	2053020014	TRẦN PHƯỚC	HẬU	Nam	27/03/2002	20ĐHĐT01	15	4.00	9.08	100.00	Xuất sắc	
2	2053020079	LÊ ĐẠI	ĐỨC	Nam	05/07/2002	20ĐHĐT02	15	4.00	9.04	100.00	Xuất sắc	
3	2053020041	Trần Quốc	Anh	Nam	01/08/2002	20ĐHĐT01	15	4.00	9.16	98.00	Xuất sắc	
4	2053020001	PHAN HỮU	LIÊU	Nam	19/05/2000	20ĐHĐT01	15	4.00	9.14	97.00	Xuất sắc	
5	2053020049	HOÀNG THỊ TÚ	UYÊN	Nữ	26/03/2002	20ĐHĐT01	15	4.00	9.10	97.00	Xuất sắc	
6	2053020067	TRẦN TẤN	ĐẠT	Nam	09/07/2002	20ĐHĐT02	15	4.00	9.08	97.00	Xuất sắc	
7	2053020044	LÊ HỒNG	HÀNH	Nữ	04/08/2002	20ĐHĐT01	15	4.00	9.06	97.00	Xuất sắc	Hội đồng xem xét
Kỹ thuật Hàng không												
1	2051200030	NGUYỄN TẤN	ĐỒ	Nam	14/09/2002	20ĐHKT01	17	3.91	8.78	90.00	Xuất sắc	
2	2051200029	NGUYỄN BÁCH	GIA	Nam	02/05/2002	20ĐHKT01	17	3.74	8.61	92.00	Xuất sắc	
3	2051200035	TRẦN THÀNH	DANH	Nam	21/07/2002	20ĐHKT01	17	3.74	8.62	91.00	Xuất sắc	
4	2051200037	LÊ HUỖNH	ĐỨC	Nam	08/06/2002	20ĐHKT01	17	4.00	9.14	83.00	Giỏi	
5	2051200039	TRƯƠNG THỊ THANH	AN	Nữ	09/09/2002	20ĐHKT01	17	4.00	8.83	80.00	Giỏi	
6	2051200063	LÊ MINH	NGỌC	Nữ	07/07/2002	20ĐHKT01	17	3.91	8.92	84.00	Giỏi	
Quản lý hoạt động bay												
1	2056060025	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	Nữ	21/04/2002	20ĐHKL01	18	3.83	8.94	93.00	Xuất sắc	
2	2056060031	NGUYỄN QUANG	NGUYỄN	Nam	21/08/2002	20ĐHKL01	18	3.75	8.77	96.00	Xuất sắc	
3	2056060036	TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	Nam	12/02/2002	20ĐHKL01	18	3.64	8.67	95.00	Xuất sắc	
4	2056060022	PHAN NGUYỄN THANH	VĂN	Nữ	24/10/2002	20ĐHKL01	18	3.64	8.46	95.00	Xuất sắc	
Khóa 2021												
Công nghệ KT điện tử - viễn thông												
1	2105120019	Trần Quốc	Trung	Nam	07/03/2003	21ĐHĐT01	16	2.97	7.57	93.00	Khá	
2	2105120006	Trần Quốc	Huy	Nam	02/07/2003	21ĐHĐT01	16	2.88	7.28	87.00	Khá	
3	2105120004	Dương Quốc Gia	Huy	Nam	02/09/2003	21ĐHĐT01	19	2.74	7.03	72.00	Khá	
4	2105120045	LÝ THANH	NHÂN	Nữ	21/08/2001	21ĐHĐT01	16	2.59	6.77	90.00	Khá	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa												
1	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	Nam	24/04/2003	21ĐHTĐ02	15	4.00	9.15	95.00	Xuất sắc	
2	2105130125	Trần Quốc	Tuyên	Nam	06/12/2003	21ĐHTĐ02	15	4.00	9.11	95.00	Xuất sắc	
3	2105130105	Lý Cường	Phát	Nam	03/12/2003	21ĐHTĐ02	15	3.87	9.04	95.00	Xuất sắc	
4	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	Nữ	15/07/2003	21ĐHTĐ02	15	3.87	8.95	95.00	Xuất sắc	
5	2105130104	Nguyễn Bình	Nhường	Nam	18/08/2003	21ĐHTĐ02	15	3.80	8.63	95.00	Xuất sắc	
6	2105130045	TRƯƠNG QUANG	MỸ	Nam	24/03/2003	21ĐHTĐ01	15	3.73	8.97	98.00	Xuất sắc	
Công nghệ thông tin												
1	2154810086	LÊ CAO TẤN	LỘC	Nam	28/09/2003	21ĐHTT02	19	3.84	8.89	93.00	Xuất sắc	
2	2154810051	LÊ ĐÌNH	QUỖY	Nam	14/08/2003	21ĐHTT02	19	3.84	8.75	90.00	Xuất sắc	
3	2154810061	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀ	Nữ	01/04/2003	21ĐHTT02	19	3.84	8.72	90.00	Xuất sắc	
4	2154810011	Phan Hồng	Nhung	Nữ	28/02/2003	21ĐHTT01	19	3.84	8.72	90.00	Xuất sắc	
5	2154810093	NGUYỄN MAI THUY	TIÊN	Nữ	15/11/2003	21ĐHTT02	19	3.82	8.52	93.00	Xuất sắc	
6	2154810077	PHAN TUỜNG BẢO	TRÂM	Nữ	16/12/2003	21ĐHTT02	15	3.80	8.72	92.00	Xuất sắc	
7	2154810091	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	Nữ	18/12/2003	21ĐHTT02	15	3.80	8.48	90.00	Xuất sắc	
8	2154810024	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	08/01/2001	21ĐHTT01	15	3.60	8.40	97.00	Xuất sắc	
Kỹ thuật Hàng không												
1	2155200052	TRẦN NGUYỄN	TỊNH	Nam	26/04/2003	21ĐHKT01	15	4.00	9.20	90.00	Xuất sắc	
2	2155200032	LÊ TẤN CÔNG	MINH	Nam	28/10/2003	21ĐHKT01	18	4.00	8.95	90.00	Xuất sắc	
3	2155200049	NGUYỄN BÌNH	THUẬN	Nam	14/03/2003	21ĐHKT01	15	4.00	8.90	90.00	Xuất sắc	
4	2155200027	NGÔ HOÀNG	LÂM	Nam	22/05/2003	21ĐHKT01	15	3.90	9.02	90.00	Xuất sắc	
5	2155200019	TẠ QUỐC	HUY	Nam	26/10/2003	21ĐHKT01	15	3.90	8.78	90.00	Xuất sắc	Hội đồng xem xét
Ngôn ngữ Anh												
1	2152210036	ĐÀO THỊ MAI	THƯ	Nữ	26/01/2003	21ĐHNATM	15	3.87	8.95	92.00	Xuất sắc	
2	2152210048	NGUYỄN THUY HUỖNH	PHƯỚC	Nữ	29/12/2003	21ĐHNAHK	16	3.78	8.72	97.00	Xuất sắc	
3	2152210114	PHẠM MẠNH	TRƯỜNG	Nam	10/06/2003	21ĐHNAHK	16	3.78	8.71	97.00	Xuất sắc	
4	2152210113	ĐẶNG NGỌC	TRINH	Nữ	01/01/2003	21ĐHNATM	15	3.73	8.47	97.00	Xuất sắc	
5	2152210012	Trần Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	14/11/2003	21ĐHNATM	15	3.73	8.61	95.00	Xuất sắc	
6	2152210044	ĐẶNG THUỖY	TRÂM	Nữ	10/01/2003	21ĐHNATM	18	3.71	8.62	92.00	Xuất sắc	
7	2152210002	Lê Âu Mai	Dung	Nữ	05/10/2003	21ĐHNAHK	16	3.59	8.29	98.00	Giỏi	
Quản lý hoạt động bay												
1	2158420042	NGUYỄN Y BẢO	HÂN	Nữ	10/07/2003	21ĐHKL01	15	3.70	8.70	92.00	Xuất sắc	
2	2158420053	LÊ MINH	HOÀNG	Nam	17/01/2003	21ĐHKL01	15	3.70	8.61	91.00	Xuất sắc	
3	2158420010	NGUYỄN PHẠM NHẬT	CƯỜNG	Nam	15/01/2003	21ĐHKL01	15	3.67	8.67	90.00	Xuất sắc	
4	2158420046	ĐỒNG PHÚ	VINH	Nam	29/10/2002	21ĐHKL01	15	3.67	8.61	90.00	Xuất sắc	Hội đồng xem xét
Quản trị kinh doanh												
1	2153410057	Lê Như Quyết	Thắng	Nam	04/01/2003	21ĐHQTDL	16	3.91	9.01	100.00	Xuất sắc	
2	2153410323	NGÔ THỊ MAI	LOAN	Nữ	07/04/2003	21ĐHQTDL	18	3.89	8.86	97.00	Xuất sắc	
3	2153410154	HUỖNH THỊ MỸ	MỸ	Nữ	02/02/2003	21ĐHQTDL	16	3.88	9.12	100.00	Xuất sắc	

4	2153410026	Nguyễn Đoàn Viết	Khá	Nam	05/02/2003	21ĐHQTDL	16	3.88	8.93	96.00	Xuất sắc	
5	2153410420	NGUYỄN MINH	DUY	Nữ	23/02/2003	21ĐHQTC1	16	3.88	9.10	94.00	Xuất sắc	
6	2153410169	VÕ NGUYỄN HOÀNG	NHI	Nữ	21/07/2003	21ĐHQTC2	16	3.84	8.69	93.00	Xuất sắc	
7	2153410084	Tạ Thị Như	Ý	Nữ	04/01/2003	21ĐHQTDL	16	3.78	8.81	90.00	Xuất sắc	
8	2153410141	GIANG TIÊU	MI	Nữ	07/03/2003	21ĐHQTC2	16	3.78	8.61	90.00	Xuất sắc	
9	2153410058	Nguyễn Lê Phương	Thùy	Nữ	03/05/2003	21ĐHQTC1	16	3.75	8.66	90.00	Xuất sắc	
10	2153410085	Trịnh Quốc	Duy	Nam	27/03/2003	21ĐHQTDL	16	3.69	8.69	94.00	Xuất sắc	
11	2153410016	Trần Nguyễn Hoàng	Đạt	Nam	21/10/2003	21ĐHQTVT1	17	3.68	8.31	91.00	Xuất sắc	
12	2153410267	NGÔ THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	24/02/2003	21ĐHQTC3	16	3.66	8.66	90.00	Xuất sắc	
13	2153410079	Trần Thị Tuyết	Nhi	Nữ	11/03/2003	21ĐHQTC1	16	3.94	9.04	83.00	Giỏi	
14	2153410051	Mai Hoàng	Phụng	Nữ	20/11/2003	21ĐHQTC1	16	3.91	9.14	86.00	Giỏi	
15	2153410149	HOÀNG TRUNG	QUANG	Nam	20/03/2003	21ĐHQTVT1	17	3.85	8.75	88.00	Giỏi	
16	2153412028	ĐOÀN THỊ ANH	THƯ	Nữ	24/01/2003	21ĐHQTVT1	17	3.82	8.84	88.00	Giỏi	
17	2153410435	NGUYỄN THỊ YẾN	THI	Nữ	27/03/2003	21ĐHQTC3	16	3.81	8.58	84.00	Giỏi	
18	2153410430	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	Nữ	24/06/2003	21ĐHQTTH1	15	3.80	8.47	86.00	Giỏi	
19	2153410040	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	25/11/2003	21ĐHQTC1	16	3.78	8.63	80.00	Giỏi	
20	2153410413	PHAN HIỂN PHÚC	ĐẠT	Nam	19/03/2003	21ĐHQTVT1	17	3.76	8.52	87.00	Giỏi	
21	2153410077	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	Nữ	15/11/2003	21ĐHQTVT1	17	3.76	8.84	85.00	Giỏi	
22	2153410092	Trần Quốc	Khánh	Nam	13/01/2000	21ĐHQTC1	16	3.75	8.71	87.00	Giỏi	
23	2153410271	LÊ THỊ THU	HÀNG	Nữ	05/10/2003	21ĐHQTTH1	15	3.73	8.51	86.00	Giỏi	
24	2153410097	NGUYỄN HỒ DUY	KHANH	Nam	20/08/2003	21ĐHQTC1	16	3.72	8.71	88.00	Giỏi	
25	2153410071	Hồ Trần Quỳnh	Như	Nữ	02/05/2003	21ĐHQTC1	16	3.72	8.62	85.00	Giỏi	
26	2153410252	NGUYỄN MINH	HIẾU	Nữ	23/12/2003	21ĐHQTTH1	15	3.70	8.38	88.00	Giỏi	
27	2153410044	Huỳnh Thị Mỹ	Nguyên	Nữ	04/11/2003	21ĐHQTC1	16	3.69	8.76	88.00	Giỏi	
28	2153410281	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	Nữ	27/10/2002	21ĐHQTDL	16	3.69	8.34	88.00	Giỏi	
29	2153410064	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	26/03/2003	21ĐHQTDL	16	3.69	8.44	87.00	Giỏi	
30	2153410082	Đoàn Thanh	Tân	Nam	18/07/2003	21ĐHQTVT1	17	3.68	8.71	86.00	Giỏi	
31	2153410144	ĐẶNG HỒNG	HẮN	Nữ	05/02/2003	21ĐHQTVT1	19	3.68	8.39	85.00	Giỏi	
32	2153410070	Hồ Hoàng	Yến	Nữ	27/10/2003	21ĐHQTTH1	15	3.67	8.43	85.00	Giỏi	
Khóa 2022												
CNKT công trình xây dựng												
1	2250000149	LÊ TÁT	THÀNH	Nam	27/01/2004	22ĐHXD01	16	3.38	8.28	94.00	Giỏi	
Công nghệ KT điện tử - viễn thông												
1	2255120093	Dương Hoàng Minh	Quân	Nam	10/06/2004	22ĐHĐT02	16	2.91	7.39	91.00	Khá	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa												
1	2255130001	Huỳnh Thanh	Phương	Nam	15/08/2004	22ĐHTĐ01	15	3.40	8.13	88.00	Giỏi	
2	2255130089	Thị Lý	Toàn	Nam	12/09/2004	22ĐHTĐ02	17	3.12	7.67	90.00	Khá	
Công nghệ thông tin												
1	2254810316	TRỊNH PHƯƠNG	NAM	Nam	18/02/2004	22ĐHTT03	17	3.53	8.24	84.00	Giỏi	
2	2254810209	NGUYỄN LÊ	TRUNG	Nam	24/03/2004	22ĐHTT05	17	3.35	7.95	93.00	Giỏi	
3	2254810002	Lê Thiên Hoài	Thương	Nữ	30/11/2002	22ĐHTT01	16	3.34	7.97	80.00	Giỏi	
4	2254810218	Lâm Mỹ	Hoàng	Nữ	08/05/2003	22ĐHTT05	17	3.29	7.72	85.00	Giỏi	
5	2254810287	NGUYỄN TRẦN CHÍ	TRUNG	Nam	03/08/2004	22ĐHTT06	17	3.26	7.97	91.00	Giỏi	
6	2254810135	NGUYỄN GIA	KHÁNH	Nam	13/12/2004	22ĐHTT03	17	3.35	7.94	71.00	Khá	
7	2254810013	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	25/05/2004	22ĐHTT01	17	3.18	7.65	72.00	Khá	
8	2254810305	NGUYỄN HUỲNH THẢO	VY	Nữ	10/11/2004	22ĐHTT06	16	3.16	7.81	81.00	Khá	
9	2254810034	NGUYỄN Y	BIN	Nam	03/09/2004	22ĐHTT01	17	3.12	7.65	85.00	Khá	
10	2254810127	NGUYỄN VĂN	QUANG	Nam	12/10/2004	22ĐHTT03	17	3.12	7.49	75.00	Khá	
11	2254810032	NGUYỄN VĂN PHÚ	QUÍ	Nam	17/03/2004	22ĐHTT01	15	3.10	7.52	89.00	Khá	
12	2254810024	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	04/07/2004	22ĐHTT01	17	3.09	7.58	86.00	Khá	
13	2254810152	NGUYỄN LÊ THÙY	LINH	Nữ	08/05/2004	22ĐHTT03	17	3.06	7.62	86.00	Khá	
14	2254810169	TÔ QUÝ	PHÚ	Nam	19/10/2004	22ĐHTT04	17	3.00	7.45	73.00	Khá	
15	2254810228	NGUYỄN THỊ	THƯỜNG	Nữ	13/11/2004	22ĐHTT05	17	2.97	7.38	84.00	Khá	
16	2254810083	NGUYỄN HẢI	ĐANG	Nam	30/07/2004	22ĐHTT02	17	2.97	7.48	76.00	Khá	
17	2254810145	PHẠM HỒNG	ĐỨC	Nam	08/10/2004	22ĐHTT03	17	2.59	6.67	76.00	Khá	
Dịch vụ thương mại hàng không												
1	2201150096	Nguyễn Thanh	Thanh	Nữ	04/02/2002	22CĐTM02	15	4.00	9.03	90.00	Xuất sắc	
2	2201150081	Nguyễn Võ Minh	Khôi	Nam	09/11/2004	22CĐTM02	15	3.63	8.68	95.00	Xuất sắc	
3	2201150072	VŨ TRẦN BAO	NGỌC	Nữ	02/01/2004	22CĐTM02	15	3.60	8.55	93.00	Xuất sắc	
4	2201150094	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	Nữ	15/08/2004	22CĐTM02	15	3.60	8.77	90.00	Xuất sắc	
5	2201150025	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	25/07/2004	22CĐTM01	15	3.90	8.76	81.00	Giỏi	
6	2201150052	Bùi Thị Ngọc	Yến	Nữ	10/09/2004	22CĐTM02	15	3.80	8.83	87.00	Giỏi	
Kiểm tra an ninh hàng không												
1	2201010001	Dương Nguyễn Út	Duyên	Nữ	05/06/2004	22CĐAN01	17	3.24	7.84	75.00	Khá	
2	2201010027	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	21/09/2004	22CĐAN01	17	3.24	7.85	73.00	Khá	
Kinh tế vận tải												
1	2250000046	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	25/02/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.93	8.75	97.00	Xuất sắc	
2	2250000127	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGÂN	Nữ	07/10/2004	22ĐHKVLQ1	17	3.88	8.85	97.00	Xuất sắc	
3	2250000109	Nguyễn Hoàng Thanh	Hồng	Nữ	25/09/2004	22ĐHKVLQ1	17	3.85	8.73	95.00	Xuất sắc	
4	2250000006	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	Nữ	17/11/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.83	8.55	97.00	Xuất sắc	
5	2250000082	Phạm Thành	Phước	Nam	25/03/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.77	8.51	94.00	Xuất sắc	
6	2250000080	ĐOÀN MINH	NHẤT	Nam	21/03/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.70	8.52	94.00	Xuất sắc	
7	2250000126	ĐÀO NGUYỄN BẢO	TRẦN	Nữ	17/07/2004	22ĐHKVLQ1	15	3.70	8.57	92.00	Xuất sắc	

8	2250000097	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÌNH	Nữ	13/01/2004	22ĐHKVLQ1	17	3.68	8.51	94.00	Xuất sắc	
9	2250000016	Nguyễn Vũ Hạ	Quyên	Nữ	23/09/2004	22ĐHKVLQ2	15	3.67	8.52	90.00	Xuất sắc	
10	2250000023	Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	11/07/2004	22ĐHKVLQ2	16	3.66	8.31	94.00	Xuất sắc	
11	2250000084	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	23/01/2004	22ĐHKVLĐ	15	3.63	8.35	94.00	Xuất sắc	
12	2250000135	ĐẶNG HOÀNG ANH	THƯ	Nữ	14/04/2004	22ĐHKVLQ1	17	3.62	8.50	97.00	Xuất sắc	
Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay												
1	2200000018	Nguyễn Minh	Hải	Nam	05/04/2004	22CĐCK01	20	2.78	7.08	93.00	Khá	
2	2200000002	Trịnh Khánh	Toàn	Nam	22/05/2004	22CĐCK01	15	2.73	6.77	95.00	Khá	
Kỹ thuật Hàng không												
1	2255200010	PHẠM HẢI	DƯƠNG	Nam	04/02/2004	22ĐHKT01	15	3.37	8.19	92.00	Giỏi	
2	2255200061	HUỖNH DUY	PHÁT	Nam	19/12/2004	22ĐHKT02	15	3.33	7.85	88.00	Giỏi	
3	2255200028	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	AN	Nam	12/01/2004	22ĐHKT01	15	3.30	8.01	87.00	Giỏi	
4	2255200007	PHẠM HOÀI	DUY	Nam	06/04/2004	22ĐHKT01	15	3.27	7.89	84.00	Giỏi	
5	2255200049	NGÔ NHẬT	HUY	Nam	28/08/2004	22ĐHKT01	15	3.10	7.74	77.00	Khá	
Ngôn ngữ Anh												
1	2252210026	NGUYỄN TUẤN	ĐÌNH	Nam	02/02/2004	22ĐHNATM1	17	4.00	9.45	97.00	Xuất sắc	
2	2252210141	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	Nữ	18/06/2004	22ĐHNATM2	20	3.95	9.26	97.00	Xuất sắc	
3	2252210095	LÊ THỊ DIỄM	QUỖNH	Nữ	24/09/2004	22ĐHNATM2	18	3.92	8.96	97.00	Xuất sắc	
4	2252210083	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	Nam	23/08/2004	22ĐHNATM2	18	3.92	8.74	95.00	Xuất sắc	
5	2252210136	Hoàng Thị Hương	Ly	Nữ	26/10/2004	22ĐHNAHK	20	3.80	8.68	97.00	Xuất sắc	
6	2252210025	Trần Thanh	Lam	Nữ	18/06/2004	22ĐHNAHK	23	3.72	8.57	93.00	Xuất sắc	
7	2252210045	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	Nữ	15/06/2003	22ĐHNATM1	20	3.70	8.71	95.00	Xuất sắc	
8	2252210051	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	14/09/2004	22ĐHNAHK	18	3.69	8.51	95.00	Xuất sắc	
9	2252210112	ĐỖ NGỌC THÙY	DƯƠNG	Nữ	11/03/2004	22ĐHNAHK	20	3.68	8.30	92.00	Xuất sắc	
10	2252210032	LÊ MINH	KHÔI	Nam	20/01/2004	22ĐHNAHK	18	3.67	8.38	96.00	Xuất sắc	
11	2252210167	Lê Bảo	Nhi	Nữ	01/08/2004	22ĐHNATM1	15	3.80	8.69	88.00	Giỏi	
12	2252210166	Ngô Gia	Bảo	Nam	04/11/2004	22ĐHNAHK	18	3.69	8.49	87.00	Giỏi	
Quản lý hoạt động bay												
1	2258420041	NGUYỄN THÙY TỔ	NHƯ	Nữ	03/08/2004	22ĐHKL01	15	4.00	9.01	91.00	Xuất sắc	
2	2258420021	ĐOÀN THỊ KIM	PHÚC	Nữ	10/12/2004	22ĐHKL01	15	3.93	8.91	93.00	Xuất sắc	
3	2258420035	NGUYỄN QUỖNH	ANH	Nữ	06/12/2004	22ĐHKL01	15	3.87	8.85	99.00	Xuất sắc	
4	2258420026	ĐẶNG THỊ KIM	OANH	Nữ	22/06/2004	22ĐHKL01	16	3.81	8.89	91.00	Xuất sắc	
5	2258420038	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	24/05/2004	22ĐHKL01	15	3.80	8.67	91.00	Xuất sắc	
6	2258420091	LÊ THỊ YẾN	TRINH	Nữ	21/11/2004	22ĐHKL02	17	3.76	8.77	92.00	Xuất sắc	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành												
1	2258130015	Lê Trọng	Phúc	Nam	19/12/2004	22ĐHDL01	15	3.67	8.41	97.00	Xuất sắc	
2	2258130068	Lê Văn	Đường	Nam	10/10/2002	22ĐHDL02	15	3.60	8.41	96.00	Xuất sắc	
3	2258130011	HUỖNH TIỂU	MÃN	Nữ	29/10/2004	22ĐHDL01	16	3.44	8.23	93.00	Giỏi	

Công nghệ KT điện tử - viễn thông												
1	2331510011	Nguyễn Văn	Huy	Nam	07/10/2005	23ĐHĐT01	15	2.87	7.28	76.00	Khá	
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa												
1	2331530008	NGUYỄN THÀNH	AN	Nam	23/09/2005	23ĐHTĐ01	16	2.91	7.46	88.00	Khá	
2	2331530020	Nguyễn Nhân Nhân	Sâm	Nam	09/07/2005	23ĐHTĐ01	16	2.81	7.43	83.00	Khá	
Công nghệ thông tin												
1	2331540283	Võ Hoàng Nhật	Trường	Nam	02/06/2005	23ĐHTT01	15	2.73	7.11	84.00	Khá	
2	2331540099	PHẠM HỮU	KIÊN	Nam	01/06/2005	23ĐHTT02	15	2.70	7.02	86.00	Khá	
3	2331540144	Hồ Lê Viết	Toàn	Nam	24/04/2005	23ĐHTT03	15	2.63	6.73	76.00	Khá	
4	2331540078	TRẦN LƯU YẾN	NHI	Nữ	21/01/2005	23ĐHTT02	15	2.53	6.72	76.00	Khá	
Dịch vụ thương mại hàng không												
1	2341810021	Võ Đình	Nguyên	Nam	30/09/2005	23CĐTM01	17	2.94	7.31	92.00	Khá	
2	2341810019	Huỳnh Thị Huyền	Trân	Nữ	22/04/2005	23CĐTM01	15	2.93	7.27	72.00	Khá	
3	2341810028	Trần Ngọc Thanh	Thùy	Nữ	16/08/2005	23CĐTM01	17	2.76	7.05	96.00	Khá	
4	2341810006	Nguyễn Hồng	Nhật	Nữ	04/05/2000	23CĐTM01	17	2.62	6.97	80.00	Khá	
Kiểm soát không lưu												
1	2341820007	Đặng Nguyễn Gia	Hân	Nữ	02/01/2005	23CĐKL01	18	3.22	7.70	82.00	Giỏi	
2	2341820009	Nguyễn Lê Minh	Chi	Nữ	09/05/2001	23CĐKL01	15	3.80	8.66	75.00	Khá	
Kiểm tra an ninh hàng không												
1	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/02/2005	23CĐAN01	17	3.29	8.01	89.00	Giỏi	
2	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	15/12/2005	23CĐAN01	17	2.94	7.39	82.00	Khá	
Kinh tế vận tải												
1	2331740077	NGÔ NGUYỄN THANH	DIỄM	Nữ	28/03/2005	23ĐHKV02	15	3.33	7.91	92.00	Giỏi	
2	2331740259	Bùi Ngọc Như	Ý	Nữ	30/06/2005	23ĐHKV05	15	3.33	7.97	89.00	Giỏi	
3	2331740046	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	Nữ	22/08/2005	23ĐHKV01	18	3.31	8.02	95.00	Giỏi	
4	2331740071	TRẦN NGỌC LAN	ANH	Nữ	24/09/2005	23ĐHKV02	15	3.20	7.60	85.00	Giỏi	
5	2331740118	Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	08/05/2005	23ĐHKV03	15	3.23	7.85	76.00	Khá	
6	2331740128	TRẦN PHẠM MAI	ANH	Nữ	05/09/2005	23ĐHKV03	15	3.23	7.74	76.00	Khá	
7	2331740261	Phạm Thị Ngọc	Quyên	Nữ	15/04/2005	23ĐHKV05	15	3.13	7.57	82.00	Khá	
8	2331740020	Trần Văn Không	Hiền	Nam	01/10/2005	23ĐHKV01	15	3.10	7.83	94.00	Khá	
9	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	20/06/2005	23ĐHKV05	15	3.10	7.80	87.00	Khá	
10	2331740108	TRẦN KHÁNH	LINH	Nữ	27/09/2004	23ĐHKV02	15	3.10	7.68	87.00	Khá	
11	2331740212	VŨ THỊ HOA	HÔNG	Nữ	12/08/2005	23ĐHKV04	18	3.03	7.44	84.00	Khá	
12	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	Nữ	06/08/2005	23ĐHKV02	15	3.00	7.37	82.00	Khá	
13	2331740050	ĐOÀN NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	20/12/2005	23ĐHKV01	15	2.93	7.36	81.00	Khá	
14	2331740249	LÊ PHẠM BĂNG	THY	Nữ	04/11/2005	23ĐHKV05	15	2.87	7.24	86.00	Khá	
15	2331740127	PHẠM ĐÀM TUYẾT	VĂN	Nữ	05/10/2005	23ĐHKV03	15	2.87	7.09	71.00	Khá	
16	2331740163	PHAN MINH THU	HẰNG	Nữ	18/09/2005	23ĐHKV03	15	2.83	7.14	71.00	Khá	
17	2331740208	TRẦN KIM	TRÚC	Nữ	01/09/2005	23ĐHKV04	15	2.73	7.29	80.00	Khá	
18	2331740047	Trần Hữu	Vinh	Nam	25/04/2005	23ĐHKV01	15	2.70	7.07	94.00	Khá	
19	2331740089	LÝ BÍCH	NGOC	Nữ	27/08/2005	23ĐHKV02	15	2.70	7.24	82.00	Khá	
20	2331740110	Nguyễn Trần Phước	Thắng	Nam	22/07/2005	23ĐHKV02	15	2.70	6.88	76.00	Khá	
21	2331740029	ĐÌNH THỦY	HIỀN	Nữ	05/02/2005	23ĐHKV01	15	2.67	6.93	86.00	Khá	
22	2331740015	VÕ MAI	ANH	Nữ	02/04/2005	23ĐHKV01	15	2.67	7.01	82.00	Khá	
23	2331740201	VÕ THỊ GIA	HUỆ	Nữ	01/04/2005	23ĐHKV04	15	2.67	6.99	81.00	Khá	
Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay												
1	2341840005	Nguyễn Huy	Hiếu	Nam	03/01/2005	23CĐCK01	17	2.97	7.43	95.00	Khá	
Kỹ thuật Hàng không												
1	2331520017	PHẠM HỒNG ĐỨC	ANH	Nam	09/06/2005	23ĐHKT01	16	3.59	8.28	98.00	Giỏi	
2	2331520019	Nguyễn Vĩnh	Tiến	Nam	26/11/2005	23ĐHKT01	16	3.41	8.41	94.00	Giỏi	
3	2331520015	HỒ CHÍ	BẢO	Nam	04/06/2005	23ĐHKT01	16	3.16	7.50	88.00	Khá	
4	2331520033	GIANG HẢI	TINH	Nam	28/06/2005	23ĐHKT01	16	3.09	7.63	90.00	Khá	
5	2331520014	Đoàn Võ Nhật	Duy	Nam	19/04/2005	23ĐHKT03	16	2.59	7.10	75.00	Khá	
6	2331520020	TRẦN NGUYỄN	HƯNG	Nam	27/01/2005	23ĐHKT03	16	2.56	7.01	71.00	Khá	
Ngôn ngữ Anh												
1	2331720006	TRẦN ĐẶNG THỦY	DUNG	Nữ	23/06/2005	23ĐHNA01	17	3.34	8.19	91.00	Giỏi	
2	2331720044	VŨ THY	HÀO	Nữ	11/07/2005	23ĐHNA01	17	3.16	7.86	85.00	Khá	
3	2331720092	Lê Thanh	Xuân	Nữ	03/03/2005	23ĐHNA02	17	3.06	7.47	96.00	Khá	
4	2331720048	TRẦN DUY	ANH	Nam	20/05/2005	23ĐHNA01	17	3.03	7.43	79.00	Khá	
5	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	07/07/2005	23ĐHNA03	17	3.00	7.55	75.00	Khá	
6	2331720047	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GIAO	Nữ	18/02/2005	23ĐHNA01	17	2.97	7.28	83.00	Khá	
7	2331720022	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	27/11/2005	23ĐHNA01	17	2.89	7.37	87.00	Khá	
8	2331720004	Dư Trần Thùy	Trúc	Nữ	14/09/2005	23ĐHNA01	17	2.89	7.23	86.00	Khá	
9	2331720021	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	14/08/2004	23ĐHNA01	16	2.75	7.33	86.00	Khá	
10	2331720088	Trịnh Thị Quỳnh	Trang	Nữ	11/09/2005	23ĐHNA02	17	2.72	6.86	95.00	Khá	
11	2331720035	Nguyễn Trương Phương	Uyên	Nữ	04/07/2005	23ĐHNA01	17	2.68	6.90	79.00	Khá	
12	2331720072	NGUYỄN NHẬT QUANG	HUY	Nam	30/05/2005	23ĐHNA02	17	2.65	7.11	70.00	Khá	
13	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	Nữ	10/04/2005	23ĐHNA02	17	2.63	6.88	83.00	Khá	
14	2331720053	ĐÌNH HỒNG HOÀI	ÂN	Nữ	30/03/2005	23ĐHNA01	17	2.63	7.09	72.00	Khá	
Quản lý hoạt động bay												
1	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	18/08/2005	23ĐHKL02	15	3.57	8.34	83.00	Giỏi	
2	2331710139	TRẦN KIM	TIỀN	Nữ	30/01/2005	23ĐHKL03	15	3.40	8.27	94.00	Giỏi	

3	2331710110	HỒ NGỌC BỘI	TUYỀN	Nữ	04/04/2005	23ĐHKL02	15	3.40	8.14	87.00	Giỏi	
4	2331710153	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	Nữ	11/11/2005	23ĐHKL03	15	3.37	8.29	98.00	Giỏi	
5	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	08/01/2005	23ĐHKL03	15	3.33	8.05	82.00	Giỏi	
6	2331710023	NGUYỄN THANH	DƯƠNG	Nam	30/05/2005	23ĐHKL01	15	3.20	7.89	91.00	Giỏi	
7	2331710144	DƯƠNG THỊ HOÀNG	YẾN	Nữ	19/04/2005	23ĐHKL03	15	3.43	8.27	74.00	Khá	
8	2331710156	Nguyễn Trung	Chiến	Nam	14/10/2005	23ĐHKL03	15	3.17	7.87	87.00	Khá	
9	2331710138	BÙI ĐIỂM	QUYNH	Nữ	25/09/2005	23ĐHKL03	15	3.17	7.73	81.00	Khá	
10	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	09/02/2005	23ĐHKL02	15	3.10	7.49	81.00	Khá	
11	2331710007	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng	Nữ	09/03/2005	23ĐHKL01	15	2.97	7.23	82.00	Khá	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành												
1	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	Nam	19/04/2005	23ĐHDL03	16	3.81	8.83	100.00	Xuất sắc	
2	2331730088	Nguyễn Minh	Trí	Nam	12/10/2005	23ĐHDL02	16	3.78	8.72	97.00	Xuất sắc	
3	2331730081	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	Nữ	19/05/2005	23ĐHDL02	16	3.72	8.80	97.00	Xuất sắc	
4	2331730089	Tổng Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	20/02/2005	23ĐHDL02	16	3.69	8.69	96.00	Xuất sắc	
5	2331730129	Hoàng Thị Thanh	Thảo	Nữ	15/11/2005	23ĐHDL03	16	3.66	8.74	97.00	Xuất sắc	
6	2331730003	TRẦN MINH ĐỨC	DUY	Nam	01/12/2004	23ĐHDL03	16	3.63	8.50	90.00	Xuất sắc	
7	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	Nữ	21/05/2005	23ĐHDL03	16	3.69	8.78	87.00	Giỏi	
8	2331730056	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	Nữ	25/01/2005	23ĐHDL01	16	3.59	8.63	95.00	Giỏi	
9	2331730125	Trần Thành	Đạt	Nam	25/03/2005	23ĐHDL03	16	3.59	8.52	94.00	Giỏi	
10	2331730005	HUỲNH PHƯƠNG	THUY	Nữ	13/04/2005	23ĐHDL01	16	3.59	8.28	92.00	Giỏi	
11	2331730117	NGUYỄN THỊ THU	NGA	Nữ	02/01/2005	23ĐHDL02	16	3.50	8.17	88.00	Giỏi	
12	2331730064	Vũ Hoàng Gia	Huy	Nam	04/03/2005	23ĐHDL02	16	3.47	8.27	92.00	Giỏi	
13	2331730116	Ngô Như	Thảo	Nữ	09/07/2005	23ĐHDL02	16	3.41	7.95	92.00	Giỏi	
14	2331730134	PHẠM PHAN NGỌC	NGÀ	Nữ	15/09/2005	23ĐHDL03	16	3.41	8.19	89.00	Giỏi	
Quản trị kinh doanh												
1	2331310007	Lê Ngọc Thúy	Vy	Nữ	11/11/2005	23ĐHQTVT1	15	3.83	8.61	92.00	Xuất sắc	
2	2331310436	HỒ VĂN	MANH	Nam	23/12/2005	23ĐHQTVT1	15	3.67	8.49	94.00	Xuất sắc	
3	2331310593	Nguyễn Trịnh Tường	Vi	Nữ	04/12/2003	23ĐHQTVT1	15	3.67	8.61	90.00	Xuất sắc	
4	2331310111	DIỆP HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	Nữ	22/01/2005	23ĐHQTC1	15	3.47	8.29	92.00	Giỏi	
5	2334330001	Võ Ngọc Trung	Kiên	Nam	16/03/2005	23ĐAQT01	15	3.43	8.15	95.00	Giỏi	
6	2334330019	Hồ Đức Anh	Thi	Nữ	19/08/2005	23ĐAQT01	15	3.43	8.01	93.00	Giỏi	
7	2331310607	Đinh Khánh	Linh	Nữ	10/02/2005	23ĐHQTKQ1	15	3.33	8.03	93.00	Giỏi	
8	2331310242	Phạm Thị Ý	Nhi	Nữ	07/05/2005	23ĐHQTC2	15	3.27	8.06	84.00	Giỏi	
9	2334330037	Nguyễn Hoàng Quang	Huy	Nam	07/09/2005	23ĐAQT01	15	3.23	7.87	91.00	Giỏi	
10	2331310605	La Kim	Thư	Nữ	06/01/2005	23ĐHQTTH2	15	3.17	7.72	88.00	Khá	
11	2334330008	VÕ GIA	KIỆT	Nam	01/01/2005	23ĐAQT01	15	3.13	7.59	91.00	Khá	
12	2331310416	VÕ THỊ TRÀ	MY	Nữ	11/12/2005	23ĐHQTKQ1	15	3.10	7.61	90.00	Khá	
13	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	11/11/2005	23ĐHQTC1	15	3.10	7.58	90.00	Khá	
14	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/01/2005	23ĐAQT01	15	3.03	7.33	93.00	Khá	
15	2334330041	Nguyễn Hoàng Linh	Nhi	Nữ	06/07/2005	23ĐAQT01	15	3.03	7.47	91.00	Khá	
16	2331310258	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	21/06/2005	23ĐHQTKQ1	15	3.03	7.55	86.00	Khá	
17	2331310166	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	THUỶ	Nữ	13/07/2005	23ĐHQTVT1	15	3.03	7.45	82.00	Khá	
18	2334330024	Nguyễn Trúc	Linh	Nữ	02/07/2005	23ĐAQT01	15	3.00	7.56	93.00	Khá	
19	2331310204	CAO THỊ BÍCH	TRÂM	Nữ	18/03/2005	23ĐHQTVT2	15	3.00	7.47	88.00	Khá	
20	2331310182	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÚC	Nữ	03/12/2005	23ĐHQTC2	15	3.00	7.39	87.00	Khá	
21	2331310168	Lê Lâm Anh	Thư	Nữ	06/06/2005	23ĐAQT01	15	3.00	7.28	82.00	Khá	
22	2331310226	NGUYỄN YẾN	VY	Nữ	03/08/2005	23ĐHQTVT2	15	2.97	7.24	89.00	Khá	
23	2334330005	CAO THỊ	LƯỢM	Nữ	10/10/2000	23ĐHQTKQ2	15	2.93	7.41	93.00	Khá	
24	2331310446	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	05/10/2005	23ĐHQTVT1	15	2.93	7.38	81.00	Khá	
25	2331310124	HUỲNH THỊ MỸ	TRINH	Nữ	21/05/2005	23ĐHQTKQ1	15	2.93	7.27	80.00	Khá	
26	2334330014	LÂM GIA	KỶ	Nữ	17/12/2005	23ĐAQT01	15	2.90	7.11	73.00	Khá	
27	2331310459	Bùi Anh	Thư	Nữ	08/04/2005	23ĐHQTTH2	15	2.90	7.11	71.00	Khá	
28	2334330013	NGUYỄN THỊ CẨM	CHI	Nữ	15/01/2005	23ĐAQT01	15	2.87	7.23	93.00	Khá	
29	2331310559	Trần Huyền	Trân	Nữ	04/12/2005	23ĐHQTTH2	15	2.87	7.15	72.00	Khá	
30	2334330011	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	17/12/2005	23ĐAQT01	15	2.80	7.11	91.00	Khá	
31	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	10/07/2005	23ĐHQTKQ2	15	2.77	6.95	90.00	Khá	
32	2331310282	NGUYỄN BẢO	QUYNH	Nữ	17/04/2005	23ĐAQT01	15	2.77	6.99	89.00	Khá	
33	2331310202	PHAN PHI	KHANG	Nam	13/08/2005	23ĐHQTC2	15	2.77	6.87	89.00	Khá	
34	2331310225	TRỊNH HIỀN	VĂN	Nữ	20/04/2005	23ĐHQTC2	15	2.77	7.14	87.00	Khá	
35	2331310498	Trần Cao Tú	Quyên	Nữ	11/06/2005	23ĐHQTKQ2	15	2.77	7.01	87.00	Khá	
36	2331310445	Nguyễn Vũ Minh	Thư	Nữ	11/01/2005	23ĐHQTAN	15	2.77	7.17	77.00	Khá	
37	2331310145	NGUYỄN THỊ MỸ	HÀNG	Nữ	10/10/2005	23ĐHQTKQ1	15	2.77	6.96	76.00	Khá	
38	2331310160	TRẦN THANH THỦY	TIỀN	Nữ	28/09/2004	23ĐHQTVT1	15	2.73	6.91	81.00	Khá	
39	2331310441	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	Nữ	08/05/2005	23ĐHQTKQ2	15	2.73	7.18	79.00	Khá	
40	2331310253	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	Nữ	01/08/2005	23ĐHQTKQ1	15	2.73	7.00	75.00	Khá	
41	2331310342	NGUYỄN BẢO GIA	HÂN	Nữ	30/06/2005	23ĐHQTKQ1	15	2.73	7.17	72.00	Khá	
42	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	Nữ	03/06/2004	23ĐHQTKQ2	15	2.70	7.03	93.00	Khá	
43	2331310220	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	07/05/2005	23ĐHQTTH1	15	2.70	6.77	81.00	Khá	
44	2331310066	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGA	Nữ	17/03/2005	23ĐHQTC1	15	2.70	7.04	77.00	Khá	
45	2334330002	NGUYỄN LÊ THẢO	NGÂN	Nữ	07/08/2004	23ĐAQT01	15	2.67	6.80	88.00	Khá	
Quản trị nhân lực												
1	2331320155	NGUYỄN PHẠM TRÀ	MY	Nữ	29/05/2005	23ĐHNL03	16	3.19	7.65	86.00	Khá	

2	2331320077	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	10/07/2005	23ĐHNL04	16	2.91	7.18	85.00	Khá	
3	2331320094	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	Nữ	02/09/2005	23ĐHNL02	16	2.84	7.31	74.00	Khá	
4	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	Nam	25/09/2004	23ĐHNL04	16	2.75	7.09	94.00	Khá	
5	2331320039	NGUYỄN BẢO	VI	Nữ	24/05/2005	23ĐHNL01	16	2.72	7.05	77.00	Khá	
6	2331320203	NGUYỄN THÁI XUÂN	QUỲNH	Nữ	04/01/2005	23ĐHNL04	16	2.69	6.89	84.00	Khá	
7	2331320008	BÙI HOÀNG HUYỀN	TRANG	Nữ	22/10/2005	23ĐHNL04	16	2.56	6.81	81.00	Khá	
8	2331320097	LƯU HÀ	MY	Nữ	07/02/2005	23ĐHNL02	16	2.56	6.81	76.00	Khá	
9	2331320072	Trần Lê Gia	Uyên	Nữ	06/09/2005	23ĐHNL02	16	2.53	6.82	91.00	Khá	
10	2331320107	Nguyễn Ngô Ngọc	Linh	Nữ	16/08/2005	23ĐHNL02	16	2.50	6.44	72.00	Khá	